| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 132/2019/DSPT
Ngày: 05/6/2019
*V/v: Đòi tài sản.*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
## Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Quốc Thái**
Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Minh Hoàng**
Ông **Vũ Toàn Giang**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Ngô Phương Liên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 4năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản ". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DSST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2019/QĐPT- DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Vũ Xuân A, sinh năm 1948
HKTT: Số 6 ngách 495/3 đường NT, TX, Hà Nội

**2. Bị đơn**: Ông Vũ Trọng B, sinh năm 1945
HKTT: Số 9 ngõ 88 phố HNT, BĐ, LB, Hà Nội

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
3.1.Bà Vương Thị X1, sinh năm 1952
HKTT: Số 9 ngõ 88 phố HNT, BĐ, LB, Hà Nội
3.2. Bà Phạm Thị X2, sinh năm 1952
HKTT: Số 6 ngách 495/3 đường NT, TX, Hà Nội

**4. Người làm chứng:**
4.1. Bà Phạm Minh X3 và ông Vương Văn X4

Trú tại: Số 90 CB, phường QT, quận BĐ, TP Hà Nội

4.2.Ông Nguyễn Hoàng X5

Trú tại: Số 150 phố YP, phường YP, quận TH, TP Hà Nội

4.3.Bà Trần Thị X6 ông Quản Hữu X7

Trú tại: Số 136 QT, phường QT, quận BĐ, TP Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*** Nguyên đơn là ông Vũ Xuân A trình bày:**

Tôi và ông B là bạn học cùng cấp 3 (từ năm 1963 đến năm 1966). Từ năm 1966 đến năm 1971 chúng tôi học 2 trường ĐH khác nhau, sau đó công tác ở 2 nơi khác nhau. Sau khi ra trường chúng tôi vẫn là bạn bè, thỉnh thoảng thăm nhau. Đến năm 1995, ông B có vay tôi 3 lần:

Lần đầu năm 1995 vay 1000 USD, tại nhà tôi tại địa chỉ số 6, Nam TX, Hà Nội.

Lần thứ 2 ngày 19/2/1995, ông B vay tôi 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) vay tại nhà tôi tại Nam TX. HN

Lần thứ 3 ngày 05/3/1995 ông B vay của tôi 1,700,000, cùng với tiền 37.000.000 thành 38.700.000, quy ra là 3.500 USD.

Như vậy, trong năm 1995, ông B vay tổng cộng 4.500 USD. Chúng tôi thỏa thuận sẽ dùng tiền USD để trả.

Từ năm 1995 đến nay, ông B chưa trả tiền cho tôi nên tôi làm đơn ra Toà án nhân dân quận LB.

Ông B mua đất tại TT, Hà Nội năm 1994. Theo hồ sơ được cung cấp, đất ông B mua là 2.600 đồng / $m^2$. Tháng 5.1996 ông B nói với tôi là ông B mua đất ở TT, có vay của tôi là 4.500 USD nay ông B dự kiến trừ nợ số tiền 4.500.000 USD bằng 2.500$m^2$ . Ông B có nói ông dùng số tiền vay tôi để mua đất cho tôi là 2500 $m^2$, quy ra tiền Việt lúc bấy giờ là 49.750.000, chia cho 2500 $m^2$ đất đơn giá là 19.902.000 đồng/$m^2$, như vậy tôi phải chịu với mức giá gấp 10 lần so với đất ông B mua nên tôi không đồng ý mua ngay lúc đó căn cứ là giữa tôi và ông B không có giấy tờ mua bán gì. Từ năm 2000 đến năm 2015, năm nào tôi cũng sang đòi nhưng ông B không trả cho tôi.

Tôi yêu cầu ông B trả tôi số tiền 99.000.000đ (Chín mươi chín triệu đồng) quy đổi tại thời điểm khởi kiện, tiền lãi tùy ông B. Tại phiên tòa, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là 4.500 USD quy đổi ra tiền Việt theo tỷ giá ngân hàng vào thời điểm xét xử. Tôi không có yêu cầu gì khác và không có bổ sung gì.

*** Bị đơn là ông Vũ Trọng B trình bày:**

Về quan hệ giữa tôi và ông A, tôi và ông A học chung trường LTT khóa 1963 – 1966. Sau khi tốt nghiệp, chúng tôi học cùng chung trường ĐH xây dựng

từ năm 1966 đến năm 1968. Đến năm 1968, chúng tôi không còn học chung trường vì tôi chuyển đi học tại trường ĐH Tổng hợp. Đến năm 1968 đến năm 1971, chúng tôi tốt nghiệp và công tác 2 nơi khác nhau. Chúng tôi vẫn giữ liên lạc mặc dù không còn gặp nhau nhiều. Sau này, khi ông A được phân đất ở Hà Nội, tôi đã giúp ông A thiết kế, thi công nhà cho vợ chồng ông A năm 1993. Năm 1994, cháu Phong là con cả của ông A thi vào trường ĐH Kiến trúc, tôi đã giúp đỡ cháu học tập trong quá trình 05 năm tại trường. Tôi khẳng định chúng tôi là những người bạn thân thiết, gắn bó, bản thân tôi trân trọng điều đó. Đến năm 1995, ông A có gặp tôi tại nhà tôi ở Khu tập thể ĐH Bách khoa, Hà Nội, có nói với tôi vừa làm nhà xong, con lại thi Đại học, ông A không làm giám đốc nữa. ông A có đề nghị tôi là ông A có 1000 USD, làm cách nào để lấy lãi để làm chi phí sinh hoạt. Vì điều ấy, tôi có nói với vợ tôi là giúp đỡ ông A. Khoảng tháng 1/1995 ông A có nhắn tôi vào nhà, tại nhà ông A và nói với tôi rằng cầm cho ông A để sinh lời, và tôi có cầm cho ông A, nhưng không có viết giấy biên nhận.

Đến ngày 19/2/1995, ông A có nhắn tôi vào nhà tại Nam TX, anh Ađưa ra số tiền là 37.000.000 đồng với tinh thần là cho vay giúp ông A. Lúc này, ông A có yêu cầu tôi viết cho anh ấy giấy nhận tiền, cùng cả số tiền 1000 USD trước đây. Nội dung giấy nhận tiền là ông A đọc cho tôi viết, ông A có nói là viết làm kỷ niệm.

Ngày 05/3/1995, ông A nhắn tôi là vào nhà ông ấy và có đưa cho tôi nhận thêm 1,7 triệu, lúc đó tôi nói với ông A là 1,7 triệu đây có lãi lời gì mà cho vay thì anh Acó nói với tôi là thêm vào số tiền nhận trước đây là 37.000.000 tổng cộng là 38.700.000 nghìn tương đương 3500 USD.

Nửa tháng sau, tôi có quan hệ với ông C, hiện đang ở ĐT, nay là gò DD của trường ĐH Kiến trúc, ông C giới thiệu nhờ môi giới để giới thiệu cho chúng tôi mảnh đất tại TT. Tôi về tôi gọi cho những người bạn thân thiết của tôi dự định kinh doanh trang trại. Chúng tôi có 06 người cùng mua chung mảnh đất này, trong đó có ông A. Khi mua đất tôi không gặp được người chủ đất mà phải mua qua môi giới. Chúng tôi thỏa thuận với nhau vì không gặp được người chủ, nếu cứ được giá thì mua. Chúng tôi mua mảnh đất đó là 21.000/ $m^2$. Chúng tôi có trao đổi qua điện thoại và chúng tôi đồng ý mua. Thời gian mua đất xảy ra rất nhanh, chỉ trong 01 tuần.  Khoảng ngày 15/03/1995, sau khi thống nhất với nhau, vợ tôi là chị Vương Thị X1 đại diện cho 06 người đứng ra mua đất với người môi giới đất. Việc mua đất được tiến hành thành 02 đợt: Đợt đặt cọc lần thứ 1, người môi giới đến nhà tôi để lấy tiền đặt cọc và sau khi mang theo theo giấy tờ đất thì thanh toán nốt. Hiện nay, giấy nhận tiền cho họ vẫn còn. Khi mua đất chúng tôi có 06 người cùng góp tiền, góp theo khả năng của từng người, theo số $m^2$  đăng ký và nay mỗi người đều có con số đăng ký , sau này kinh doanh được thì lãi suất sẽ

hưởng theo sự đóng góp. Khi chúng tôi làm giấy tờ, tôi có yêu cầu người môi giới là ghi tên đủ 06 người vào trong giấy tờ đất. Nhưng sau khi trao đổi, người môi giới nói rằng số diện tích đất mua này thuộc 03 mảnh, chỉ đứng tên được cho 03 người. Tôi và vợ tôi gọi điện cho từng người và đề nghị người đứng tên. Lúc ấy tôi đề nghị ông Vũ Xuân A đứng tên 01 thửa nhưng ông A từ chối vì sợ mang tiếng. Lúc ấy, tôi bất đắc dĩ phải đứng tên. Những người đứng tên gồm: Tôi, vợ tôi và ông Nguyễn Hoàng X5là 03 người đại diện đứng tên 03 thửa, được sự nhất trí của 06 người cùng mua. Khi làm giấy tờ đất, trích lục bản đồ người môi giới đưa lại cho tôi lần thứ 1 chỉ có bản photo, không có ngày tháng. Sau đó tôi yêu cầu phải có con dấu tôi mới lấy, người môi giới đã về và làm lại nhưng ghi nhầm là năm 1994. Sau khi chúng tôi đóng góp, nộp tiền theo số chúng tôi đăng ký, ông A có đăng ký là 2500m$^2$. ông A có nói rằng số tiền tôi đã nhận là 38.700.000 nghìn và 1000 USD nay không cho vay mà chuyển để làm tiền mua đất. Tôi có tính toán số tiền đó còn thiếu vài trăm (tôi nhớ không rõ), tôi đề nghị ông A trả lại cho đúng số tiền mua đất và ông A đã thanh toán đủ số tiền mua đất đó và yêu cầu tôi photo bản đồ đưa lại cho ông A. Trong thời gian từ năm 1995 đến năm 1998, ông A có đến nhà tôi và anh X5để bàn bạc cách giữ đất. Chúng tôi quyết định xây mốc giới và đòi đất lấn chiếm. ông A đề nghị làm 01 căn nhà quay về hướng Nam, tiền làm nhà và tiền mốc giới sẽ chia cho nhau, đóng góp theo tỉ lệ, sau đó chúng tôi thanh toán cho nhau và không ai có ý kiến gì.

Năm 1999, tôi có nhận được 01 bức thư của ông A viết cho tôi, nội dung là số tiền 38.700.000đ và 1000 USD tôi cầm của ông A, ông A nói rằng tôi vay và xin được giữ theo thỏa thuận ban đầu và đề nghị tôi hoàn tất số tiền cho ông A. Khi tôi trao đổi với ông A, ông A từ chối và nói rằng ông A không mua đất, ông A đặt ra một loạt câu hỏi rằng tại sao tôi mua đất mà tôi không có tên trong đó. Rồi ông A nói rằng đó là bước đi khởi động chứ không phải mua. Vợ chồng tôi và vợ chồng ông A có gặp nhau và trao đổi về vấn đề mua đất .

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi chỉ viết giấy nhận tiền chứ không phải vay tiền vì tôi chỉ nhận để cho vay hộ nên không quy định thời hạn thanh toán và mức lãi. Tôi khẳng định là tôi chỉ nhận số tiền 38.700.000đ và 1000 USD chứ không vay tiền. ông A có nói là chuyển số tiền tôi cầm thành tiền mua đất.Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A, không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**1. Bà Vương Thị X1 trình bày:**

Chồng tôi và ông Vũ Xuân A là bạn bè từ khi đi học, khoảng đầu tháng 2/1995 ông A có hỏi ý kiến ông B là chồng tôi về việc ông A có số tiền là 1000 USD định gửi tiết kiệm, chồng tôi nói rằng gửi tiết kiệm lãi suất thấp, nay ông A

không tiêu đến thì có thể bảo tôi cho vay hộ lấy lãi suất cao hơn, lãi bằng tiền đồng Việt Nam còn gốc vẫn giữ nguyên để thêm vào tiền sinh hoạt cho gia đình ông A đang khó khăn vì vợ con mới ở quê lên chưa có việc làm ổn định). Tiếp đó ngày 19/2/1995, ông A lại đưa cho chồng tôi số tiền 37.000.000đ, sau 02 lần ông A đưa tiền cho chồng tôi, chồng tôi đều đưa tiền cho tôi để tôi cho vay lấy lãi cho ông A (tôi nhớ lúc đó cho vay lãi mỗi tháng được khoảng 2,5-3%). Đến ngày 05/3/1995, chồng tôi lại bảo ông A tiếp tục đưa 1.700.000đ nhờ cho vay hộ nhưng tôi bảo chưa có người vay cứ để đấy đã. Tháng 3/1995 vợ chồng tôi được người bạn rủ lên HL mua đất, chúng tôi lên xem đất và gặp được người môi giới giới thiệu khu đất có người bán, đồng thời họ thông báo giá và lo đầy đủ thủ tục mua bán theo pháp luật. Chúng tôi nhất trí những dịch vụ mà người môi giới đưa ra. Vợ chồng tôi đã điện thoại cho: Vũ Xuân A, Nguyễn Hoàng X5, Trần Thị X6 (chồng là Quản Trọng X7), Vương Văn X4 (vợ Phạm Minh X3và Đỗ Đình X8) nói về việc mua đất trên HL như thế nếu có mua thì đóng tiền mua chung để làm kinh tế và mọi người đã đồng ý mua ngay. Đầu tiên chỉ có anh Thu nhờ chồng tôi đứng tên nhưng sau này khi người môi giới thông báo chỉ có 03 người được đứng tên vì mua đất của ba người. Do đó vợ  chồng tôi thông báo lại cho các thành viên mua đất và được tất cả mọi người nhất trí đề nghị 3 người đứng tên trên giấy tờ chuyển nhượng là: Vương Thị X1, Vũ Trọng B, Nguyễn Hoàng X5, thời điểm đó anh Ađề nghị không ghi tên anh vì lúc đó đang đương chức.Việc thanh toán mua đất và các chi phí: Môi giới, xây dựng, nộp lệ phí trước bạ…đều do tôi thu và thanh quyết toán cho mọi người theo từng đợt phát sinh. Riêng tiền mua đất lần đầu và các chi phí liên quan đến thủ tục pháp lý để hợp pháp việc chuyển nhượng đất các thành viên tham gia mua đất được tính theo $m^2$ đất m giá lúc đó 21.000đ/$m^2$. Cụ thể:

Nguyễn Hoàng X5: 3000$m^2$

Vũ Xuân A: 2.500 $m^2$

Trần Thị X6 2.500 $m^2$

Vương Thị X1: 2.320 $m^2$

Đỗ Đình X8 : 1.000 $m^2$

Vương Văn X4: 1.000 $m^2$

Số tiền mua đất và các chi phí khác, các thành viên đều nộp tiền trực tiếp cho tôi, chỉ ông A không đưa tiền trực tiếp mà ông A đề nghị vợ chồng tôi chuyển toàn bộ tiền 3 đợt tiền ông A gửi chồng tôi sang thành tiền mua 2.500$m^2$ đất. Số tiền cả 3 đợt ông A đưa cộng cả tiền lãi của khoản 1000 USD và 37.000.000đ tôi cho vay lấy lãi hộ ông A chưa được 1 tháng nhưng số tiền mua đất với diện tích ông A đăng ký mua vẫn còn thiếu khoảng 500.000đ (*Do lâu ngày tôi không nhớ chính xác, tôi nhớ có làm 1 bảng kê thanh toán các chi phí*

*việc mua đất cho ông A, tôi cho rằng ông A vẫn giữ giấy này*). Tôi và các thành viên mua đất kể cả ông A đều phải thanh toán giá 21.000đ/$m^2$ tại thời điểm mua đất. Chúng tôi chung nhau mua đất từ năm 1995, đến tháng 6/1999 nghĩa là đến năm thứ 5 sau khi mua đất HL, ông B mới nhận được thư ông A có nội dung đòi nợ lúc đó tôi chồng tôi cũng không nhớ, đến tháng 4/2000 ông A photo giấy nhận tiền gửi cho các bạn bè và chồng tôi được các bạn gửi lại thì mới nhớ ra là số tiền này đã chuyển sang mua đất tại BĐ, TT từ tháng 3/1995. ông A nghi ngờ vợ chồng tôi tăng giá đất lên. Thực tế ông A có chở vợ, tôi và chị X6lên thăm đất, vợ chồng tôi và vợ chồng ông A đã ngồi phân tích và giải thích những thắc mắc của ông A nhưng ông không chịu chấp nhận (có băng ghi âm tôi đã gửi cho Tòa án), còn bà X2 đã công nhận những điều vợ chồng tôi trao đổi là đúng. Khoảng năm 2003, Nhà nước có dự án khu công nghệ cao Láng HL, đất của chúng tôi trong diện bị thu hồi, do huyện TT đền bù không đúng đối tượng nên tôi đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, hiện nay TAND thành phố Hà Nội đang thụ lý, giải quyết. Nay tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A vì vợ chồng tôi không vay tiền của ông A. Ngoài ra tôi không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác.

**2. Bà Phạm Thị X2 trình bày:**

Tôi và ông Vũ Xuân A kết hôn năm 1972 hiện đang sống tại địa chỉ số 6 ngách 295/3 NT, TX Nam, TX, Hà Nội. Gia đình tôi và ông Vũ Trọng B và bà Vương Thị X1 có quan hệ bạn bè do ông B từng là chủ thầu xây nhà cho tôi. Ông B và bà X1 hiện đang ở tại số 9 hẻm 88 ngõ 310 HNT, BĐ, LB, Hà Nội.

Năm 1995, ông B có vay của chồng tôi số tiền 4.500 đô la Mỹ, mục đích vay để làm gì tôi không biết. Nguồn gốc số tiền 4.500 đô la Mỹ ông A cho ông B vay là tài sản chung của vợ chồng, do vợ chồng tôi lao động mà có. Chúng tôi cho ông B vay tiền còn ông B làm gì với số tiền đó chúng tôi không nắm được. Tuy nhiên, chúng tôi không cho vay với mục đích chung tiền mua đất. Số tiền trên, chồng tôi cho ông B vay làm 2 lần. Số tiền và thời điểm vay từng lần tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ đều trong năm 1995. Hai lần bàn giao tiền đều có giấy tờ biên lai, giấy tờ trên hiện do ông A nắm giữ.

Từ đó đến nay, vợ chồng tôi đã nhiều lần đòi ông B trả tiền nhưng ông B không trả và bảo muốn tự giải quyết với chồng tôi.

Còn mảnh đất ông B mua ở XM, BV do ông B tự mua từ năm 1994, vợ chồng tôi không liên quan gì, cũng không chung đụng tiền để mua cùng với ông B.

Nay ông A khởi kiện ra Tòa yêu cầu ông B phải trả lại vợ chồng tôi số tiền 4.500 đô la Mỹ tôi hoàn toàn đồng ý. Tôi chỉ yêu cầu ông B phải trả lại vợ chồng tôi số tiền gốc là 4.500 đô la Mỹ, không cần trả lãi.

*** Những người liên quan đến việc mua đất:**

***Bà Phạm Minh X3và ông Vương Văn X4 trình bày:***

Ông B là anh rể tôi còn bác A là bạn ông B vì tôi biết do có vài lần gặp ở nhà ông B. Giữa vợ chồng tôi và ông A, ông B không có vấn đề mâu thuẫn hay xích mích gì. Tôi không biết gì về việc đưa tiền giữa ông A và ông B, hay việc ông A chuyển tiền đưa cho ông B sang tiền mua đất, tôi chỉ biết việc chung nhau mua đất từ năm 1995.

Tháng 3/1995 bà X1, ông B, ông X5 có đi HL để mua đất chung cho 6 người : Ông X4, B, A, X4, X8,bà X6 . Chúng tôi rủ nhau mua và nhất trí để bà X1 đứng ra mua, chỉ thỏa thuận miệng, thông báo qua điện thoại, và cử 3 người đứng tên đại diện gồm: Ông B, bà X1, ông X5 vì mảnh đất đó là của 3 người nên chỉ đứng tên 3 người. Đến đầu năm 2001 thì những người mua chung đất mới họp có 05 người vắng mặt ông A, có lập biên bản ngày 29.3.2001 tại nhà Bà X6. Nội dung biên bản họp khẳng định lại số diện tích đất mà mọi người mua.

Chúng tôi khẳng định là ông A có mua chung đất vì năm 1998 ông A, bà X1,bà X6 có cùng đi xem đất đã mua, ông A còn nói là phải xây nhà và đòi lại đất bị lấn chiếm. Ngay năm đó chúng tôi xây nhà và tường bao, mọi người đóng góp tiền theo tỷ lệ diện tích đất. Hiện nay tôi có giấy xác nhận những người mua đất. Hiện nay khu đất đó đã bị thu hồi và đang có khiếu kiện nên chúng tôi chưa nhận đền bù. Chúng tôi vẫn tôn trọng thỏa thuận trước đây và không có ý kiến thắc mắc gì.

Chúng tôi khẳng định là ông A có mua chung đất vì số diện tích phân chia có cả tên ông A. Chúng tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này. Chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Ông Nguyễn Hoàng X5 trình bày***:

Tôi có mối quan hệ thân thiết với ông B còn tôi biết ông A là bạn ông B. Tôi đã nghe phần trình bày của bà Phượng, tôi xác nhận là đúng sự thật. Tôi là người mua diện tích lớn nhất, do thửa đất rộng . Tôi khẳng định là ông A có chung mua đất ngay từ đầu, còn việc ông A chuyển tiền cho bà X1, ông B thì tôi không được biết. Tôi xác nhận có việc tôi và ông B có đến nhà ông A khoảng năm 1994-1995 để bàn việc mua đất, khoảng năm 1997, có một cuộc họp tại nhà ông B để bàn việc xây hàng rào trên mảnh đất mà chúng tôi mua chung. Chúng tôi cử 03 người đại diện đứng tên gồm ông B, bà X1 và tôi, hiện nay đất đã bị thu hồi chúng tôi đang khởi kiện tại TAND thành phố Hà Nội để yêu cầu mức đền bù thỏa đáng. Trong giấy mua đất tôi đứng tên hơn 5345 $m^2$ thực tế phân chia theo số tiền đóng góp, còn lại là của người khác. Chúng tôi đều xác định được ăn thua chịu và tôn trọng thỏa thuận giữa mọi người. Tôi chỉ có các giấy tờ mua đất và biên bản cuộc họp chung ngoài ra không có gì khác.

***Bà Trần Thị X6 ông Quản Hữu X7 trình bày***:

Bà X6 là bạn của bà X1, chúng tôi tham gia ngay từ đầu vì có thông tin về khu đất. Năm 1995, bà X1, ông B rủ chúng tôi mua chung vì mảnh đất rộng quá, năm 1996 chúng tôi mới biết những người mua chung gồm: Ông bà X1, bà X3, anh X5, ông X8, ông A. Tôi biết ông A vì năm 1997 ông A có mang xe ô tô cơ quan đến chở tôi, bà X1,bà X2 đến xem đất, ông A có nói là phải đòi đất lấn chiếm và xây tường bao quanh giữ đất, chúng tôi có điện thoại cho nhau thỏa thuận và đóng tiền cho bà X1 đứng ra xây vì bạn bè tin tưởng nhau. Sau khi xây tường và xây nhà xong chúng tôi có đến thăm đất nhưng không đi cùng nhau. Việc ông A đưa tiền cho ông B thế nào tôi không biết, tôi chỉ biết là ông A có chung mua đất vì ông A và vợ có cùng chúng tôi đi thăm đất và có ý kiến về việc xây tường.

Ông A còn nói chuyện với chúng tôi là giá như được diện tích lớn hơn thì tốt. Bản thân vợ chồng tôi cũng không có tên trên giấy tờ mua đất nên chúng tôi là người nêu ra vấn đề họp năm 2001 để khẳng định việc mua chung giữa chúng tôi. Chúng tôi mong muốn ông A hãy suy nghĩ thấu đáo về sự việc trên. Hiện nay chúng tôi đang khởi kiện vụ án hành chính tại TAND thành phố Hà Nội không liên quan đến vụ án này nên chúng tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này. Chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Ông Vũ Đức Etrình bày***:

Tôi là trưởng ban liên lạc khóa 1963-1966 trường cấp 3 LTT, NT, Nam Định. Do câu chuyện giữa ông A, ông B nên khoảng năm 2001 chúng tôi gồm ông L, ông M dự kiến tổ chức họp tại học viện Quân y để giải quyết vấn đề giữa ông Bà B và ông bà Anhưng do ông A thay đổi nên không tổ chức được. Gần đây nhất cách đây khoảng 2 tháng do ông A có yêu cầu nên chúng tôi tiếp tục dự định tổ chức cuộc họp giữa bạn bè và những người mua chung đất nhưng do ông A không đồng ý sự có mặt của những người mua đất nên cuộc họp không diễn ra. Sau khi nghe tất cả các bên trình bày tôi nhận thấy có những vấn đề trong văn bản không có, trước đây ông A, ông B đều là bạn bè rất thân thiết nên tôi mong muốn ông A, và ông B suy nghĩ kỹ và nên giải quyết cho có tình để hóa giải mọi điều. Sau khi nghe các bên trình bày, tôi khẳng định là ông A có đặt vấn đề mua đất.

***Ông Nguyễn Mạnh N trình bày***:

Tôi và ông B, ông A là bạn học. Theo quan điểm của tôi các ông đều là bạn bè với nhau, tôi mong muốn mỗi người đều nên xem xét lại, tránh đẩy sự việc đi xa để hai bên giải quyết mọi việc ổn thỏa.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân quận LB đã quyết định:***

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 467; Điều 468; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 1995; Căn cứ khoản 1 Điều 12 ; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội. Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân A về việc "*Đòi tài sản*".

**2.** Buộc ông Vũ Trọng B có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Vũ Xuân A số tiền gốc là *103.639.500 đồng* ( *Một trăm linh ba triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*). Đối với số tiền nợ lãi do nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

**3.** Về án phí:

Ông Vũ Trọng B đ□ợc miễn án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông Vũ Xuân A số tiền 2.489.000đ (*Hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*) ông A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06106 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận LB.

*Tr□ờng hợp quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

□n xử công khai sơ thẩm, các đ□ơng sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đ□ơng sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ□ợc tống đạt bản án hoặc bản án đ□ợc niêm yết./.

Ngày 30/11/2018 ông B, bà X1 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo gọi của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án có căn cứ xác định tháng 3/1995 Ông Vũ Xuân A có đưa cho Vũ Trọng B số tiền 1000USD và 38.700.000đồng. Phía ông B cũng thừa nhận có nhận từ ông A số tiền như ông A khai. Tuy nhiên, phía ông B, bà X1 cho rằng số tiền của ông A đưa cho ông B, hai bên đã thoả thuận góp vào để mua đất chung tại xã Thạch Hoà, huyện TT. Song Phía ông A không thừa nhận mua đất chung với ông B, bà X1. Ông B, bà X1 cũng không có văn bản nào ghi rõ việc góp tiền mua đất chung giữa các bên nên không có căn cứ

để chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1- Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng luật tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định.

2 - Về nội dụng vụ án:

Ông Vũ Xuân A yêu cầu ông Vũ Trọng B trả số tiền quy đổi ra đô la Mỹ thời điểm vay tổng cộng là 4.500 USD tương đương 99.531.000đ. Căn cứ để nguyên đơn khởi kiện là giấy viết tay có nội dung " *Vợ chồng B nhận của anh Asố tiền: 1000 USD đến tháng 5/95 lãi được thêm 3.000.000đ, và hôm nay ngày 19/2/95 nhận thêm của anh A37.000.000đ; 5/3/1995, nhận của anh A1.700.000đ để cộng với 37.000.000đ nhận ngày 19/2/95 cho thành 38.700.000đ quy ra 3.500 USD, sau này lấy USD để thanh toán*".

Ông A cho rằng kể từ ngày ông B nhận tiền, ông chưa nhận được bất kỳ đồng tiền lãi nào và liên tục yêu cầu ông B trả nhưng vợ chồng ông B chưa trả. Nay ông A yêu cầu ông B trả tiền gốc quy đổi thành 4.500 USD ở thời điểm tháng 3/1995, còn tiền lãi không tính. Bà Phạm Thị X2 là vợ ông A cũng xác nhận vợ chồng bà có cho ông B vay số tiền quy đổi ra là 4.500 USD, tiền này là tiền chung của hai vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm: ông Vũ Trọng B và bà Vương Thị X1 công nhận có việc ông A đưa tiền cho ông B các lần như trong giấy ông B viết, nhưng chỉ là nhận tiền để cho vay hộ lấy lãi cho ông A bớt khó khăn chứ ông bà không vay tiền. Chữ viết, chữ ký trong giấy là của ông B, trong giấy có ghi lãi của 1000 USD là 3.000.000đ, tương đương mỗi tháng là 1.000.000đ. Ông B, bà X1 đã đưa cho người khác vay số tiền 1000 USD và trả lãi được 01 tháng thì có việc mua chung đất nên số tiền này đã chuyển thành tiền mua chung đất tại BĐ, xã TH, huyện TT, những người mua chung đất đều là bạn bè của vợ chồng ông B, bà X1 gồm: Nguyễn Hoàng X5: 3.000$m^2$ ; Vũ Xuân A: 2.500 $m^2$ ; Trần Thị X6: 2.500$m^2$; Vương Thị X1: 2.320$m^2$; Đỗ Đình X8 : 1.000 $m^2$; Vương Văn X4: 1.000 $m^2$.

Ông B và bà X1 đã xuất trình các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc mua đất tại BĐ là có thật, bà X1 cũng trình bày mọi việc liên quan đến mua đất và các chi phí: Môi giới, xây dựng, nộp lệ phí trước bạ, nộp thuế, làm hợp đồng thuê người trông đất…đều do bà X1 đứng ra làm, việc thu và thanh quyết toán với những người mua chung theo từng đợt. Số tiền mua đất và các chi phí khác do các thành viên khác nộp trực tiếp cho bà X1, riêng ông A không đưa tiền trực tiếp mà đề nghị chuyển toàn bộ 3 đợt tiền ông A gửi ông B sang để thanh toán tiền mua

2.500 $m^2$ đất, việc chuyển tiền là thỏa thuận miệng giữa hai bên không có giấy tờ gì. Đối với ông A, bà X1 có làm một bảng kê chi tiết các khoản thu, chi đưa cho ông A giữ nên bà không có bản nào nộp cho Tòa án.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của những người cùng mua đất là ông Nguyễn Hoàng X5, bà Trần Thị X6, vợ chồng ông Vương Văn X4 đều xác nhận do có mối quan hệ bạn bè nên vợ chồng ông B bà X1 có rủ những người trên mua chung đất tại BĐ trong đó có ông A vì mua đất của 3 người nên chỉ để 3 trong số 5 người đứng tên trên giấy tờ là ông X5, ông B, bà X1. Do thời kỳ đó tin tưởng nhau nên chỉ trao đổi qua điện thoại, mọi giao dịch do bà X1 thực hiện, việc ông A có đưa tiền mua đất cho bà X1 hay không thì những người mua chung không biết, chỉ biết ông A có đi cùng lên thăm đất, có bàn bạc việc xây tường rào giữ đất. Năm 2001, những người mua chung đất có họp bàn xác nhận về việc mua chung đất và cùng ký tên nhưng không có sự có mặt và chữ ký của ông A.

Ông Vũ Xuân A và bà Phạm Thị X2 không công nhận việc chuyển số tiền đưa cho ông B thành tiền mua chung đất, không có tài liệu, giấy tờ nào thể hiện việc này.

Căn cứ chứng cứ và lời khai của các đương sự thể hiện: xác định có việc ông B nhận số tiền của ông A, các bên thỏa thuận quy đổi ra đô la Mỹ thời kỳ đó là 4.500USD tại thời điểm tháng 3 năm 1995.

Ông B cho rằng số tiền trên ông A đã đồng ý chuyển sang tiền góp mua chung đất tại Thạch Hoà, TT. Nhưng ông A không công nhận việc mua đất chung. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu tòa án thu thập được có thể hiện việc ông A bàn việc cùng mua chung đất với ông B, bà X1 và những người khác nhưng không có tài liệu nào thể hiện việc ông A và ông B, bà X1 thỏa thuận chuyển số tiền 4.500USD ông B đã nhận thành tiền mua đất. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và băng ghi âm do ông B, bà X1 xuất trình không có tài liệu nào có chữ ký xác nhận hoặc thể hiện ý chí của ông A đồng ý chuyển số tiền trên để mua chung đất và cũng không có tài liệu nào thể hiện việc ông A đã mua chung đất.

Lời khai của các nhân chứng là những người mua chung đất đều thể hiện có việc ông A mua chung đất tại BĐ – TH – TT nhưng đều không biết việc ông A chuyển tiền mua đất cho ông B, bà X1 như thế nào.

Từ những tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở để kết luận: Ông Vũ Trọng B có nhận của ông Vũ Xuân A số tiền 1000USD và 38.700.000đồng từ tháng 3/1995. Các bên thỏa thuận quy đổi ở thời điểm năm 1995 thành 4.500USD. Sau này lấy USD để thanh toán.

Nay ông A có đơn yêu cầu khởi kiện ông B phải trả lại số tiền quy đổi 4.500USD thành 103.639.500 đồng ( *Một trăm linh ba triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Xét yêu cầu của ông B thấy rằng; Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa ông Ag và ông B là quan hệ " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa phù hợp. Theo ông A khai từ năm 2000 đến 2015 năm nào ông cũng đòi tiền ông B nhưng ông B không trả, thì kể từ ngày ông A biết quyền lợi của mình bị xâm phạm mà không khởi kiện tại Toà án thì trong thời hạn 03 năm ông A hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông A vẫn có quyền đòi lại số tài sản của mình đã đưa cho ông B từ tháng 3/1995.

Ông A có đưa cho ông B số tiền bằng ngoại tệ là 1000USD, đây là mặt hàng nhà nước quản lý, ngoài ra ông A còn đưa cho ông B 38.700.000đồng tiền Việt Nam, hai bên còn thoả thuận khi thanh toán quy đổi số tiền ông A đưa cho ông B thành 4.500 USD để thanh toán. Xét thấy thoả thuận trên giữa ông A và ông B là không phù hợp pháp luật. Nên không chấp nhận việc hai bên thoả thuận quy ra đồng USD để thanh toán cho nhau. Vì vậy, cần buộc ông B trả lại ông A số tiền: 1000USD và 38.700.000đồng ông B đã nhận, qui đổi số tiền 1000USD tại thời điểm xét xử sơ thẩm = 23.031.000đồng.

Như vậy, ông B trả lại ông A số tiền: 1000USD quy đổi ra = 23.031.000đồng + 38.700.000đồng = 61.731.000đồng ( Sáu mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi mốt ngàn đồng)

Về án phí: Ông Vũ Trọng B đ□ợc miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 ; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 163, 164, 166 bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 6 Điều 11 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị Quyết 326 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Trọng B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 Tòa án nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội.

Buộc ông Vũ Trọng B có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Vũ Xuân A và bà Phạm Thị X2 số tiền gốc là: 61.731.000đồng.( Sáu mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi mốt ngàn đồng)

Về án phí: Ông Vũ Trọng B đ□ợc miễn án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông Vũ Xuân A số tiền 2.489.000đ (*Hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*) ông A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06106 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận LB.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tr□ờng hợp quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã kí)*

**Nguyễn Quốc Thái.**

`